

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM THAO  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/ DS -ST

Ngày: 30/5/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thu Trang

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Tĩnh

Ông Lê Văn Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST - DS ngày 20 tháng 4 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022; thông báo về việc mở lại phiên tòa số 10/2022/TB-TA ngày 16/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L; sinh năm:1933; địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị L: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

*(Văn bản ủy quyền ngày 09/7/2021)*

*Bị đơn:*Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 và anh Chử Trọng T, sinh năm 1976; đều có địa chỉ tại: Khu 14 (Nay là khu 8), xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Anh T có mặt; chị L, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa phía nguyên đơn, đại diện theo ủy*

*quyền là anh Bùi Văn T trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết là người cùng xã với nhau nên ngày 10.12.2013 (âm lịch) tức ngày 10/01/2014 dương lịch bà Bùi Thị L có cho chị Nguyễn Thị L và anh Chử Trọng T vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 01 năm, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, mục đích vay anh T, chị L nói là để kinh doanh. Khi vay anh T, chị L có viết giấy vay tiền mặt và đều ký vào giấy vay tiền đó. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, chị Nguyễn Thị L, anh Chử Trọng T không trả được cho bà Bùi Thị L khoản tiền gốc và tiền lãi nào theo thỏa thuận mặc dù bà L đã đòi nhiều lần. Vì vậy, bà Bùi Thị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao buộc chị Nguyễn Thị L, anh Chử Trọng T phải thanh toán cho bà L khoản tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn), bà L không yêu cầu tính lãi.

*Phía bị đơn là chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai đã thể hiện quan điểm như sau:*

Chị Nguyễn Thị L nhất trí với quan điểm của bà Bùi Thị L về khoản vay nói trên. Chị thừa nhận có vay của bà Bùi Thị L số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay như bà L trình bày là đúng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, mục đích vay để kinh doanh. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền mặt. Chị và chồng chị là anh Chử Trọng T có ký vào giấy vay tiền đó. Trong quá trình vay chị đã thanh toán cho bà L nhiều lần và giấy nợ này chị đã thanh toán coi như hết nhưng do tin tưởng nên chị cũng không yêu cầu bà L ký giấy đã nhận tiền. Nay chị xác định đối với khoản nợ của giấy vay này chị sẽ trả cho bà L 10.000.000đ (Mười triệu đồng), còn chị đề nghị bà L xóa hết khoản nợ do điều kiện của anh, chị khó khăn.

Phía anh Chử Trọng T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa và cũng không thể hiện được quan điểm của mình trước Tòa. Ngày 18/02/2022, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đề nghị trưng cầu chữ ký, chữ viết của anh T. Tòa án đã trưng cầu chữ ký, chữ viết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng: Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 161; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L đối với chị Nguyễn Thị L và anh Chử Trọng T.

- Buộc chị Nguyễn Thị L, anh Chữ Trọng T phải trả cho bà Bùi Thị L số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), bà L không yêu cầu tính lãi.

Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T phải hoàn trả cho bà Bùi Thị L số tiền chi phí giám định là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L, anh Chữ Trọng T phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Bùi Thị L khởi kiện đòi chị Nguyễn Thị L, anh Chữ Trọng T phải trả số tiền đã vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn) nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp nói trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T cố tình không hợp tác. Việc chị L, anh T cố tình trốn tránh không đến Tòa, có nghĩa là chị L, anh T đã từ chối quyền được trình bày tại Tòa và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L, anh Chữ Trọng T là phù hợp.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở căn cứ vào bản tự khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về khoản tiền vay: Việc bà Bùi Thị L cho chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là có thật. Bản thân chị Nguyễn Thị L cũng xác định chị và anh T có vay tiền của bà L và ký vào giấy vay tiền đó. Đối với anh Chữ Trọng T mặc dù anh T không đến Tòa án theo giấy báo của Tòa án nên không thể hiện lời khai của mình. Theo đề nghị của nguyên đơn Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập tài liệu chứng cứ lấy tài liệu có chữ ký, chữ viết của anh Chữ Trọng T để giám định. Tại bản kết luận giám định số 370/KL-KTHS ngày 30 tháng 3 năm 2022 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

Các chữ viết “Chữ Trọng T” dưới mục (Người vay tiền) trên “Giấy vay tiền” đứng tên Nguyễn Thị L cùng chồng là Chữ Trọng T đề ngày 10/12/2013 âm lịch (Tài

liệu cần giám định ký hiệu A) so với các chữ viết “Chữ Trọng T” dưới mục (Người khai; Các đương sự tham gia phiên hòa giải; Các đương sự tham gia phiên tòa) trên “Bản tự khai; Biên bản hòa giải; Biên bản hòa giải thành” (Tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1,M2,M3) là do cùng một người viết ra.

Từ những căn cứ trên có thể khẳng định: Chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 10/12/2013 (âm lịch) là của chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T. Như vậy, khi các bên ký kết giao dịch dân sự đó đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng phía nguyên đơn cho rằng bà đã đòi nhiều lần nhưng chị L, anh T chưa trả được cho bà khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Xong phía chị Nguyễn Thị L xác định trong quá trình vay chị đã thanh toán cho bà L nhiều lần và giấy nợ này chị đã thanh toán coi như hết nhưng do tin tưởng nên chị cũng không yêu cầu bà L ký giấy đã nhận tiền. Chị xác định đối với khoản nợ của giấy vay này chị sẽ trả cho bà L 10.000.000đ (Mười triệu đồng), còn chị đề nghị bà L xóa hết khoản nợ do điều kiện của anh, chị khó khăn. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị L khẳng định không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc chị đã trả tiền cho bà L. Do vậy, không có cơ sở xác định chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng hợp đồng đã ký kết.

Về lãi suất: Phía nguyên đơn là bà Bùi Thị L không đề nghị tính lãi nên không đặt ra giải quyết.

Từ các căn cứ trên, buộc chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T phải thanh toán cho bà Bùi Thị L số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Đối với tiền chi phí giám định cần buộc chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T phải hoàn trả cho bà Bùi Thị L số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) do yêu cầu giám định của nguyên đơn là có căn cứ.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1, khoản 2 Điều 102, khoản 4 Điều 161; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L đối với chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T.

2. Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T phải trả cho bà Bùi Thị L số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T phải hoàn trả cho bà Bùi Thị L số tiền chi phí giám định là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Chữ Trọng T phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- CQ THA dân sự huyện Lâm Thao;
- Dương sự;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thu Trang**



**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Lâm Thao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- CQ THA dân sự huyện Lâm Thao;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thu Trang**

